Số: 122/2026/QĐ-UBND
Thời gian ký: 2026-11-16T17:06:51+07:00

Phụ lục II

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT VỀ CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

(Kèm theo Quyết định số 122/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế)

1. Chăn nuôi gà thương phẩm

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	01	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	6	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	7	(2) Gumboro, (2) Viêm phế quản truyền nhiễm - Niu cát xơn (sử dụng vắc xin kép), (1) Niu cát xơn (sử dụng vắc xin đơn giai đoạn trên 2 tháng tuổi), (1) Đậu, (1) Cúm gia cầm. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y	
4	Hóa chất sát trùng	Lít/con	0,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật.	
6	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	4	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 4% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

2. Chăn nuôi gà sinh sản

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	01	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	12,3	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	14	(3) Gumboro, (1) Đậu, (2) Viêm phế quản truyền nhiễm, (4) Niu cát xơn, (2) Viêm thanh khí quản truyền nhiễm, (2) Cúm gia cầm. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
4	Hóa chất tiêu độc khử trùng	Lít/con	2,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
6	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	4	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 4% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Mô hình nuôi gà sinh sản					
1	Tập huấn xây dựng mô hình				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/Mô hình	01		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

Mô hình ấp trứng gà					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	07		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

3. Chăn nuôi ngan, vịt thương phẩm

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	01	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	9,4	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	04	(2) Dịch tả, (1) Viêm gan, (1) Cúm gia cầm. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
4	Hóa chất tiêu độc khử trùng	Lít/con	0,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
6	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	4	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 4% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30	

	Thời gian/lần	Ngày	01	người/lớp	
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

4. Chăn nuôi ngan, vịt sinh sản

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	01	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	30	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	11	(3) Viêm gan vịt, (3) Dịch tả vịt, (3) Cúm gia cầm, (2) Tụ huyết trùng. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
4	Hóa chất tiêu độc khử trùng	Lít/con	2,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
6	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	4	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 4% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Mô hình nuôi ngan, vịt sinh sản					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				

	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/Mô hình	01		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		
Mô hình ấp trứng					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	07		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

5. Chăn nuôi ngỗng thịt

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	01	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	6	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án (hỗ trợ 2,5 tháng)	
3	Vắc xin	Liều/con	2	(1) Dịch tả vịt, (1) Cúm gia cầm. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
4	Hóa chất tiêu độc khử trùng	Lít/con	2,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
6	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	4	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 4% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30	

	Thời gian/lần	Ngày	01	người/lớp	
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

6. Chăn nuôi ngỗng sinh sản

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con		Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	28	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án (hỗ trợ 7 tháng)	
3	Vắc xin	Liều/con	4	(2) Dịch tả vịt, (2) Cúm gia cầm. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
4	Hóa chất tiêu độc khử trùng	Lít/con	2,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
6	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	4	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 4% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Mô hình nuôi ngỗng sinh sản					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/Mô hình	01		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

Mô hình ấp trứng					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	07		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

7. Chăn nuôi chim bồ câu

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	01	Giống bồ câu ngoại và bồ câu lai từ 03 tháng tuổi. Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
2	Thức ăn hỗn hợp	Kg/con	10,8	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	01	(1) Niu cát xơn. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
4	Hóa chất tiêu độc khử trùng	Lít/con	02	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,03	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
6	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	4	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 4% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Mô hình nuôi bồ câu sinh sản					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30	

	Thời gian/lần	Ngày	01	người/lớp	
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/ Mô hình	01		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		
Mô hình ấp trứng bồ câu					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	07		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

8. Chăn nuôi chim cút sinh sản

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	01	Chim cút 01 ngày tuổi. Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	0,7	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	4	(4) Niu cát xơn Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
4	Hóa chất tiêu độc khử trùng	Lít/con	01	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,01	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
6	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	4	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 4% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
Mô hình nuôi chim cút sinh sản					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02		
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/Mô hình	01		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		
Mô hình ấp trứng chim cút					
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01		
	Thời gian/lần	Ngày	07		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

9. Chăn nuôi lợn thương phẩm

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	01	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
1.1	Giống lợn ngoại	Kg/con	10		
1.2	Giống lợn nội	Kg/con	7		
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	225	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	6	(1) Dịch tả, (1) Lở mồm long móng, (1) Tai xanh, (1) Tụ huyết trùng, (1) Phó thương hàn, (1) Đóng dấu lợn. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
4	Hóa chất tiêu độc khử trùng	Lít/con	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Thuốc tẩy ký sinh	Liều/con	02		

	trùng				
6	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,1	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
7	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	2,5	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 2,5% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

10. Chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ, hữu cơ

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	01	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
1.1	Giống lợn ngoại	Kg/con	10		
1.2	Giống lợn nội	Kg/con	7		
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	225	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	6	(1) Dịch tả, (1) Lở mồm long móng, (1) Tai xanh, (1) Tụ huyết trùng, (1) Phó thương hàn, (1) Đóng dấu lợn. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
4	Hóa chất tiêu độc khử trùng	Lít/con	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	

5	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều/con	02		
6	Chế phẩm sinh học			Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
6.1	Chế phẩm bổ sung vào thức ăn	Tỷ lệ %	0,7		
6.2	Chế phẩm bổ sung vào nước uống	Lít	0,1		
6.3	Chế phẩm phun trong chuồng nuôi	Lít	0,1		
6.4	Chế phẩm bổ sung vào độn chuồng	Kg	0,1		
7	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	2,5	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 2,5% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

11. Chăn nuôi lợn sinh sản

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	01	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
1.1	Giống hậu bị (giống ngoại)	Kg/con	100		
1.2	Giống hậu bị (giống nội)	Kg/con	22		
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh				
2.1	Thức ăn hỗn hợp cho lợn giống ngoại	Kg/con	534	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của	

2.2	Thức ăn hỗn hợp cho lợn giống nội	Kg/con	482	mô hình, dự án.	
3	Vắc xin	Liều	12	(2) Dịch tả, (2) Lở mồm long móng, (2) Tai xanh, (2) Tụ huyết trùng, (2) Phó thương hàn, (2) Đóng dấu lợn. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
4	Hóa chất tiêu độc khử trùng	Lít/con	40	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Thuốc tẩy ký sinh trùng	Liều	02		
6	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,2	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
7	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	2,5	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 2,5% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/Mô hình	01		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

12. Chăn nuôi trâu, bò sinh sản

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trại chăn nuôi)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Máy băm rơm, cỏ	Chiếc	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Máy trộn thức ăn	Chiếc	01		

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	01	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
1.1	Bò cái giống	Kg/con	220		
1.2	Trâu cái giống	Kg/con	350		
2	Thức ăn hỗn hợp			Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Căn cứ theo tình hình thực tế, chủ trương tăng cường sử dụng rơm để tái sản sản xuất nông nghiệp qua các văn bản hàng năm của UBND thành phố
2.1	Thức ăn hỗn hợp cho bò cái giai đoạn chửa	Kg/con	180		
2.2	Thức ăn hỗn hợp cho bò mẹ giai đoạn nuôi con	Kg/con	360		
2.3	Thức ăn hỗn hợp cho trâu cái giai đoạn chửa	Kg/con	180		
2.4	Thức ăn hỗn hợp cho trâu cái giai đoạn nuôi con	Kg/con	480		
3	Rơm làm thức ăn	Kg/con	720		
4	Tảng đá liếm	Kg/con	03		
5	Thuốc tẩy ngoại ký sinh trùng	Liều/con	01		
6	Thuốc tẩy nội ký sinh trùng	Liều/con	01		
7	Vắc xin	Liều	4	(2) Lở mồm long móng, (1) Tụ huyết trùng, (1) Viêm da nổi cục. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
8	Hóa chất tiêu độc khử trùng	Lít/con	150	Dung dịch pha loãng theo quy định	
9	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	2,5	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 2,5% so với định mức chi phí thức ăn.	

d. Định mức triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	2	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian/lần	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Tháng/cán bộ	01		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

13. Chăn nuôi trâu, bò đực giống

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	01	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	Căn cứ theo tình hình thực tế, chủ trương tăng cường sử dụng rơm để tái sản xuất nông nghiệp qua các văn bản hàng năm của Ủy ban nhân dân thành phố
1.1	Bò đực giống	Kg/con	350		
1.2	Trâu đực giống	Kg/con	420		
2	Thức ăn hỗn hợp cho bò đực giống	Kg/con	360	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	
3	Thức ăn hỗn hợp cho trâu đực giống	Kg/con	360		
4	Rơm làm thức ăn	Kg/con	360		
5	Tảng đá liếm	Kg/con	03		
6	Thuốc tẩy ngoại ký sinh trùng	Liều/con	01		
7	Thuốc tẩy nội ký sinh trùng	Liều/con	01		
8	Vắc xin	Liều	4	(2) Lở mồm long móng, (1) Tụ huyết trùng, (1) Viêm da nổi cục. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	

9	Hóa chất tiêu độc khử trùng	Lít/con	150	Dung dịch pha loãng theo quy định	
10	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	2,5	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 2,5% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	2	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian/lần	Ngày	1		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/Mô hình	01		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

14. Vỗ béo trâu, bò

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trại chăn nuôi)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Máy băm rơm, cỏ	Chiếc	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Máy trộn thức ăn	Chiếc	01		

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	01	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	Căn cứ theo tình hình thực tế, chủ trương tăng cường sử dụng rơm
2	Thức ăn hỗn hợp	Kg/con	270	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	
3	Rơm làm thức ăn	Kg/con	360		

4	Thuốc tẩy ngoại ký sinh trùng	Liều/con	01		để tái sản xuất nông nghiệp qua các văn bản hàng năm của Ủy ban nhân dân thành phố
5	Thuốc tẩy nội ký sinh trùng	Liều/con	01		
6	Vắc xin	Liều	4	(2) Lở mồm long móng, (1) Tụ huyết trùng, (1) Viêm da nổi cục. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
7	Hóa chất tiêu độc khử trùng	Lít/con	150	Dung dịch pha loãng theo quy định	
8	Tảng đá liếm	Kg/con	03		
9	Vỗ béo trâu, bò thịt và xử lý môi trường bằng chế phẩm sinh học				
9.1	Nguyên liệu làm đệm lót	Kg/con	900	Từ phụ phẩm nông nghiệp: Rơm, trấu…	
9.2	Chế phẩm vi sinh	Kg/con	0,75	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật	
10	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	2,5	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 2,5% so với định mức chi phí thức ăn	

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

15. Cải tạo đàn trâu bò bằng thụ tinh nhân tạo

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng

2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/xã, phường	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	
3	Công phối giống bò	Lần/con có chửa	02	Dẫn tinh viên (DTV) được đào tạo chuyên môn thụ tinh nhân tạo trâu bò	
4	Công phối giống trâu	Lần/con có chửa	03		

b. Định mức máy móc, thiết bị (cho 1 trại chăn nuôi)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Máy băm rơm, cỏ	Chiếc	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị	
2	Máy trộn thức ăn	Chiếc	01		

c. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Trâu, Bò cái giống	Con	01	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.	
2	Tinh giống đông lạnh	Liều		Giống bò được công nhận tiến bộ kỹ thuật, hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật. Có công bố tiêu chuẩn cơ sở.	
2.1	Tinh đông lạnh Trâu	Liều/con	03		
2.2	Tinh đông lạnh Bò	Liều/con	02		
3	Ni tơ lỏng	Lít/con			
3.1	Ni tơ lỏng Trâu	Lít/con	03		
3.2	Ni tơ lỏng Bò	Lít/con	02		
4	Găng tay, ống gen	Bộ/con			
4.1	Găng tay, ống gen Trâu	Bộ/con	03		
4.2	Găng tay, ống gen Bò	Bộ/con	02		
5	Thức ăn hỗn hợp Bò	Kg/con	540	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	
5.1	Thức ăn hỗn hợp cho bò cái có chửa	Kg/con	180		
5.2	Thức ăn hỗn hợp cho bò mẹ giai đoạn nuôi con	Kg/con	360		
6	Thức ăn hỗn hợp Trâu	Kg/con	660		
6.1	Thức ăn hỗn hợp cho Trâu cái có chửa	Kg/con	180		

6.2	Thức ăn hỗn hợp cho Trâu mẹ giai đoạn nuôi con	Kg/con	480		
7	Tảng đá liếm	Kg/con	03		
8	Bình Nitơ 3,5-3,7lít	Bình/ DTV	01		
9	Súng bắn tinh	Cái/ DTV	01		

d. Định mức triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/Mô hình	01		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

16. Chăn nuôi dê thương phẩm

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Kg/con	15	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.	
2	Thức ăn hỗn hợp cho dê, cừu	Kg/con	45	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	4	(1) Tụ huyết trùng, (1) viêm ruột hoại tử, (1) Lở mồm long móng, (1) Đậu.	

				Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
4	Hóa chất tiêu độc khử trùng	Lít/con	20	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	2,5	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 2,5% so với định mức chi phí thức ăn.	
6	Tảng đá liếm	Kg/con	02		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Lần	01		

17. Chăn nuôi dê sinh sản

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình	Cơ sở/hộ chăn nuôi đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Dê cái giống ngoại	Kg/con	23-27	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
2	Dê cái giống nội	Kg/con	13-17		
3	Dê cái lai	Kg/con	18-22		
5	Dê đực giống ngoại	Kg/con	30-34		
6	Dê đực giống lai	Kg/con	28-32		
7	Thức ăn hỗn hợp cho dê đực giống	Kg/con	115	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	
8	Thức ăn hỗn hợp cho dê cái từ hậu bị đến đẻ	Kg/con	115		
9	Vắc xin	Liều/con	8	(2) Tụ huyết trùng, (2) viêm	

				ruột hoại tử, (2) Lở mồm long móng, (2) Đậu. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
10	Tảng đá liếm	Kg/con	02		
11	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	2,5	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 2,5% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/Mô hình	01		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

18. Nuôi Ong ngoại

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/xã, phường	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Ong giống	Đàn/điểm /cơ sở	100	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
2	Thùng kế	Thùng /điểm /cơ sở	100	Áp dụng đối với mô hình có thùng kế	
3	Đường	Kg/đàn	30		
4	Phấn hoa	Kg/đàn	0,3		

5	Tầng chân	Cái/đàn	10		
6	Máng cho ong ăn	Cái/đàn	01		
7	Thùng quay mật	Cái/hộ	01		
8	Bộ dụng cụ nhân đàn (kim di trùng, thùng nhân đàn, bình xịt khói, bảo hộ lao động)	Bộ/hộ	01		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Lần	01		

19. Nuôi Ong nội

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Ong giống	Đàn/điểm /cơ sở	50	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
2	Thùng kế	Thùng /điểm /cơ sở	50	Áp dụng đối với mô hình có thùng kế	
3	Đường	Kg/đàn	18		
4	Phấn hoa	Kg/đàn	0,2		
5	Tầng chân	Cái/đàn	04		
6	Máng cho ong ăn	Cái/đàn	01		
7	Thùng quay mật	Cái/hộ	01		
8	Bộ dụng cụ nhân đàn (kim di trùng, thùng	Bộ/hộ	01		

	nhân đàn, bình xịt khói, bảo hộ lao động)				

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Lần	01		

20. Chăn nuôi thỏ thương phẩm

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thỏ giống	Kg/con	0,5	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.	
2	Thức ăn hỗn hợp cho thỏ: Hỗ trợ thức ăn trong 90 ngày	Kg	13,5	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án.	
3	Vắc xin	Liều/con	01	(1) Bại huyết. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Lần	01		

21. Chăn nuôi thỏ sinh sản

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thỏ giống	Kg/con	2,5-3	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật, công bố tiêu chuẩn cơ sở	
2	Thức ăn hỗn hợp cho thỏ: Hỗ trợ thức ăn trong 120 ngày	Kg	27	Số lượng, chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	02	(2) Bại huyết. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/Mô hình	01		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

22. Nuôi tằm

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
	Trứng tằm ban đầu (Mô hình nuôi tằm con tập trung) và Tằm con ban đầu (Mô hình nuôi tằm lớn)	Vòng trứng/ha dâu	120	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
1	**Mô hình nuôi tằm con tập trung (tính cho 01 ha)**				
	Nong/khay nuôi tằm	Cái	120	Phù hợp với quy trình kỹ thuật, quy mô mô hình, dự án	
	Máy thái dâu	Cái	01		
	Đũi tằm	Cái	10		
	Lò sưởi điện	Cái	01		
	Quạt bay hơi tăng ẩm	Cái	01		
	Bạt phủ lá dâu	m^2	20		
	Thuốc sát trùng nhà, dụng cụ	Lít	04		
	Thuốc xử lý mình tằm	Kg	06		
	Vôi bột	Kg	20		
2	**Mô hình nuôi tằm lớn (tính cho 01 ha)**				
	Tằm con	Vòng/ha	120		
	Lá dâu	Kg/vòng	200		
	Né đôi	Né/vòng	02	Né gỗ, kích thước: 1m x 1m	
	Thuốc sát trùng nhà, dụng cụ	Lít	04		
	Thuốc xử lý mình tằm	Kg	06		
	Vôi bột	Kg	20		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Lần	01		

23. Trồng, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng

2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	**Mô hình trồng thâm canh cỏ**				
	Giống cỏ				
	Trồng bằng hom	Tấn hom/ha	3,5		
	Trồng bằng hạt	Kg/ha	12,0		
	Thiết bị vật tư				
	Phân đạm nguyên chất (N)			Phân đạm nguyên chất (N)	
	Cỏ thân đứng (VA06 và cỏ tương tự)	Kg/ha	250		
	Cỏ thân bụi, thân bò (cỏ Mombasa và cỏ tương tự)	Kg/ha	200		
	Phân lân nguyên chất (P2O5)	Kg/ha	80	Phân lân nguyên chất (P2O5)	
	Phân kali nguyên chất (K2O)	Kg/ha	100	Phân kali nguyên chất (K2O)	
	Phân hữu cơ vi sinh	Kg/ha	2.500	Phân hữu cơ vi sinh	
2	**Kỹ thuật ủ rơm với urea trong túi nilon**				
	Rơm lúa	Tấn	01	Rơm khô	
	Túi nilon ủ: Rộng 1,6m, dài 2,5m, dày 0,1mm	Kg/tấn	02		
	Urea	Kg/tấn	40		
	Rỉ mật	Kg/tấn	20		
	Muối	Kg/tấn	5		
3	**Kỹ thuật ủ chua thân bắp (ngô) trong túi nilon**				
	Thân bắp (ngô)	Tấn	01	Thân ngô	
	Túi ủ 2 lớp (95x95x120cm)	Túi/tấn	02		
	Men vi sinh	Kg/tấn	01		
	Rỉ mật	Kg/tấn	50		
	Muối	Kg/tấn	05		
4	**Hỗ trợ chế biến cỏ bằng phương pháp ủ chua**				
	Cỏ tươi	Tấn	01	Cỏ tươi	
	Cám gạo, bột ngô hoặc bột sắn	Kg/tấn	30		
	Muối	Kg/tấn	05		

	Túi ủ 2 lớp (95x95x120cm)	Túi/tấn	02		
	Men sinh học	Kg/tấn	01		

c. Định mức triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2	Hội nghị sơ kết, tổng kết				
	Hội nghị sơ kết	Hội nghị/Mô hình	01		
	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

24. Mô hình xử lý môi trường chăn nuôi lợn

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	6	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức vật tư, thiết bị, phân tích, xét nghiệm đánh giá kết quả

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hỗ trợ vật tư xây dựng hệ thống bể lắng xử lý chất thải và bể đá xử lý nước thải	Con/m^3	10	Áp dụng hệ thống cho chăn nuôi lợn với quy mô từ 50 - 1500 con. Vật liệu xây dựng đảm bảo theo quy chuẩn về xây dựng.	
2	Men, chế phẩm vi sinh xử lý môi trường, phân và chất thải	Lít/kg/m^3	01	Được phép sản xuất và lưu hành tại Việt Nam	
3	Phân tích mẫu	Mẫu/bể	02	Thực hiện theo quy định hiện hành về phân tích đánh giá nước thải trước và sau xử lý	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	1	Số lượng ≤ 30 người/lớp	

	Thời gian	Ngày	1		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	1		

25. Nuôi trùn quế

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư, kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống trùn quế sinh khối	Kg/m^2	12	Tỷ lệ trùn tinh có trong sinh khối 8-10%	
2	Vật liệu làm ô nuôi				
2.1	Tấm che chuồng nuôi (bạt, tôn fibro xi măng…)	m^2/m^2	1,5		
2.2	Gạch đặc lát nền	Viên/m^2	50		
2.3	Gạch 6 lỗ (làm luống ô nuôi)	Viên/m^2	40		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

26. Cơ giới hóa nghiền, ép rơm thành kiện

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên máy móc, vật tư, kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy nghiền, băng chuyền	Bộ	01	Công suất phù hợp với quy mô	
2	Máy ép, băng chuyền	Bộ	01		
3	Xe nâng	Chiếc	01		
4	Điện 3 pha	Hệ thống	01		
5	Nhà vận hành, kho chứa nguyên liệu và nhà kho chứa thành phẩm	Nhà	03	Diện tích phù hợp với quy mô	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tham quan				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 10 người/chuyến	
	Thời gian	Ngày	≤ 5		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

27. Cơ giới hóa ép rơm cuộn tròn thành kiện vuông

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên máy móc, vật tư, kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy ép, băng chuyền	Bộ	01	Công suất phù hợp với quy mô	
2	Xe nâng	Chiếc	1		
3	Điện 3 pha	Hệ thống	01		
4	Nhà vận hành, kho chứa nguyên liệu và nhà kho chứa thành phẩm	Nhà	03	Diện tích phù hợp với quy mô	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tham quan				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 10 người/chuyến	
	Thời gian	Ngày	≤ 5		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

28. Định mức cơ giới hóa chế biến thức ăn cho trâu bò

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên máy móc, vật tư, kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy trộn thức ăn	Cái	01	Công suất phù hợp với quy mô chăn nuôi	
2	Máy xay rơm/cỏ	Cái	01		
3	Điện 3 pha	Hệ thống	01		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tham quan				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 10 người/chuyến	
	Thời gian	Ngày	≤ 5		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

29. Tách phân lợn ủ sinh học làm phân bón

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/xã, phường	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức máy móc, thiết bị

TT	Tên máy móc, vật tư, kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Máy tách phân	Cái	01	Công suất phù hợp với quy mô chăn nuôi	
2	Hố chứa phân	Hố	01	Dung tích phù hợp với quy mô chăn nuôi	
3	Hầm biogas xử lý nước thải	Hầm	01		
4	Nhà ủ phân	Nhà	01	Diện tích phù hợp quy mô	

c. Định mức vật tư

TT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Chế phẩm sinh học ủ phân	Kg/tấn	01		
2	Cám/bột ngô	Kg/tấn	5		

d. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tham quan				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 10 người/chuyến	
	Thời gian	Ngày	≤ 5		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

30. Chuồng trại công nghệ cao, công nghệ thông minh trong chăn nuôi

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	9	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức máy móc, thiết bị

1. Định mức máy móc, thiết bị đối với mô hình chuồng nuôi gà thịt/gà đẻ trên nền				
TT	**Nội dung**	**Đơn vị tính**	**Định mức**	**Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật**
1	Hệ thống làm mát chuồng tự động	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01	
3	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01	
4	Máy phát điện	Chiếc	01	

2. Định mức máy móc, thiết bị đối với mô hình chuồng nuôi gà sinh sản				
1	Lồng tầng	Con/m^2	8-12	Phù hợp với quy mô mô hình, giống gà và yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống làm mát chuồng tự động	Hệ thống	01	
3	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01	
4	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01	
5	Hệ thống tải phân	Hệ thống	01	
3. Định mức máy móc, thiết bị đối với mô hình chuồng nuôi vịt, ngan thịt trên sàn lưới				
1	Hệ thống làm mát chuồng tự động	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình, giống vịt, ngan và yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống máng ăn	Hệ thống	01	
3	Hệ thống máng uống	Hệ thống	01	
4	Sàn nhựa	Con/m^2	3-4	
5	Máy phát điện	Chiếc	01	
4. Định mức máy móc, thiết bị đối với mô hình chuồng nuôi lợn thịt				
1	Hệ thống làm mát chuồng tự động	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Hệ thống máng ăn tự động	Hệ thống	01	
3	Hệ thống máng uống tự động	Hệ thống	01	
4	Máy phát điện	Chiếc	01	
5. Định mức máy móc, thiết bị đối với mô hình chuồng nuôi lợn nái sinh sản				
1	Hệ thống làm mát chuồng tự động	Hệ thống	01	Phù hợp với quy mô mô hình, yêu cầu kỹ thuật của thiết bị
2	Chuồng nuôi lợn nái chửa	Lồng/con	01	
3	Chuồng nuôi lợn nái nuôi con	Lồng/con	01	
4	Sàn nuôi lợn con sau cai sữa	m^2/con	0,6	
5	Hệ thống máng ăn tự động	Hệ thống	01	
6	Hệ thống máng uống tự động	Hệ thống	01	
7	Máy phát điện	Chiếc	01	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tham quan				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 10 người/chuyến	
	Thời gian	Ngày	≤ 5		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

31. Định mức nuôi chim trĩ thương phẩm

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	5	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Trĩ giống 1 ngày tuổi	Con	01	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	3,6	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	7	(2) Gumboro; (2) Viêm phế quản truyền nhiễm - Niu cát xơn (sử dụng vắc xin kép); (2) Niu cát xơn (sử dụng vắc xin đơn giai đoạn trên 2 tháng tuổi); (1) Cúm gia cầm. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
4	Hóa chất sát trùng	Lít/con	0,5	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật.	
6	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	4	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 4% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Tham quan				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 10 người/chuyến	
	Thời gian	Ngày	≤ 5		
3	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

32. Nuôi chim trĩ sinh sản

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	18	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	01	Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.	
2	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh	Kg/con	29	Số lượng, chất lượng thức ăn theo yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	
3	Vắc xin	Liều/con	8	(2) Gumboro; (2) Viêm phế quản truyền nhiễm - Niu cát xơn (sử dụng vắc xin kép); (2) Niu cát xơn (sử dụng vắc xin đơn giai đoạn trên 2 tháng tuổi); (2) Cúm gia cầm. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
4	Hóa chất sát trùng	Lít/con	1,25	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Chế phẩm sinh học	Kg/con	0,05	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật.	
6	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	4	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 4% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	02	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2	Tham quan				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 10 người/chuyến	
	Thời gian	Ngày	≤ 5		
3	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

33. Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng /cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức hỗ trợ liên kết (Áp dụng cho 1 chuỗi)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Hỗ trợ chi phí xây dựng liên kết				
1.1	Tư vấn xây dựng liên kết			Theo thực tế và chế độ hiện hành	
1.2	Xây dựng chuỗi				
	Kết nối các thành viên	Lần	05	Tổ chức theo cuộc họp	
	Thành lập hợp tác xã, tổ hợp tác… (liên kết ngang)	Lần	03		
	Xây dựng quy chế hoạt động	Lần	01		
	Thống nhất nguyên tắc tổ chức, hoạt động, quyền, nghĩa vụ của các thành viên	Lần	02		
	Xúc tiến thương mại	Lần	05		
	Triển khai mở rộng thị trường	Lần	05		
2	Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết				
	Máy móc, trang thiết bị, nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Hệ thống	01	Theo thực tế và chế độ hiện hành	

3	Vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm	Chu kỳ sản xuất	03	Theo thực tế và chế độ hiện hành	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

34. Chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt, ATTP, hữu cơ, OCOP

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	12	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức hỗ trợ chứng nhận (áp dụng chứng nhận cho 01 cơ sở/hộ)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Thực hành nông nghiệp tốt				
1.1	Tư vấn, hướng dẫn	Lần	01	Chi phí theo thực tế và chế độ hiện hành.	
1.2	Chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt	Lần	02		
2	An toàn thực phẩm				
2.1	Tư vấn, hướng dẫn	Lần	01	Chi phí theo thực tế và chế độ hiện hành.	
2.2	Chứng nhận an toàn thực phẩm	Lần	02		
3	Nông nghiệp hữu cơ				
3.1	Tư vấn cơ sở xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn hữu cơ	Lần	01	Chi phí theo thực tế và chế độ hiện hành.	
3.2	Chứng nhận nông nghiệp hữu cơ	Lần	02		
4	Chứng nhận sản phẩm OCOP				
4.1	Tư vấn, hướng dẫn	Lần	01	Chi phí theo thực tế và chế độ hiện hành.	
4.2	Chứng nhận sản phẩm OCOP	Lần	02	Sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao trở lên, là	

				sản phẩm cấp tỉnh, cấp quốc gia.	
5	Cán bộ kỹ thuật				
	Công triển khai hướng dẫn kỹ thuật (nếu thuê cán bộ kỹ thuật)	Tháng/xã, phường	12	Trình độ trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

35. Nuôi hươu sinh sản

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	01	Con giống có lý lịch rõ ràng. - Hươu giống có ngoại hình cân đối, khỏe mạnh, không bệnh tật, dị tật. - Giống được công nhận tiến bộ kỹ thuật hoặc được phép sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật. - Hươu cái 15 - 18 tháng, trọng lượng ≥ 35 kg/con. - Hươu đực 18 - 24 tháng, trọng lượng ≥ 45 kg/con.	
2	Thức ăn cho hươu:				
2.1	Thức ăn thô xanh	Kg/con/ ngày	10	Duy trì lượng thức ăn trong toàn bộ quá trình nuôi	
2.2	Thức ăn củ quả	Kg/con/ ngày	01		

2.3	Thức ăn hỗn hợp cho hươu cái	Kg/con	30	Bổ sung 0,5 kg/con/ngày trong 60 ngày chửa cuối	
2.4	Thức ăn hỗn hợp cho hươu đực	Kg/con	48	Bổ sung 0,8 kg/con/ngày trong 60 ngày từ khi mua về.	
2.5	Thức ăn bổ sung (khoáng đa, vi lượng)	Kg/con/ ngày	0,03	Bổ sung thêm trong 60 ngày chửa cuối hoặc từ khi mua về	
3	Vắc xin	Liều/con	04	(2) Lở mồm long móng, (2) Tụ huyết trùng. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
4	Hóa chất sát trùng	Lít/con/ năm	10	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	2,5	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 2,5% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

36. Nuôi hươu lấy nhung

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Tên giống, vật tư	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Giống	Con	01	Con giống có lý lịch rõ ràng - Hươu giống có ngoại hình cân đối, khỏe mạnh, không bệnh tật, dị tật.	

				- Giống đã được công bố tiêu chuẩn cơ sở. - Hươu đực 12-18 tháng, trọng lượng ≥ 30-kg/con.	
2	Thức ăn cho hươu:				
2.1	Thức ăn thô xanh	Kg/con/ngày	15	Duy trì lượng thức ăn trong toàn bộ quá trình nuôi	
2.2	Thức ăn củ quả	Kg/con/ngày	01		
2.3	Thức ăn hỗn hợp cho hươu đực	Kg/con/ngày	01		
3	Vắc xin	Liều/con	04	(2) Lở mồm long móng, (2) Tụ huyết trùng. Sản phẩm được phép lưu hành, sử dụng theo pháp luật thú y.	
4	Hóa chất sát trùng	Lít/con/năm	10	Dung dịch pha loãng theo quy định	
5	Thuốc thú y phòng chữa bệnh	%	2,5	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 2,5% so với định mức chi phí thức ăn.	
6	Khoáng đa vi lượng	Kg/con/ngày	0,03		

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

37. Nuôi Dúi sinh sản

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	10	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Dúi giống	Con	01	Các giống có trong danh mục được phép nuôi, sản xuất kinh	

				doanh. Phải được xác nhận của cơ quan khoa học CITES Việt Nam, cơ quan kiểm lâm địa phương theo quy định hiện hành - Khối lượng Dúi má đào giống hậu bị con cái và đực đạt: ≥ 2,5 kg/con; - Khối lượng Dúi mốc giống hậu bị con cái và đực đạt ≥ 1 kg/con.	
2	Thức ăn				
2.1	Thức ăn dúi				
-	Thóc, ngô, đậu	Kg/con	1,5		
-	Thức ăn hỗn hợp bổ sung	Kg/con	5,2		
-	Rau, củ, quả, tre, mía	Kg/con	90		
3	Thuốc thú y, hóa chất sát trùng	%	2,5	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 2,5% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		

38. Nuôi Dúi thương phẩm

a. Định mức lao động

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Công lao động phổ thông	Công		Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của mô hình, dự án	Người dân đối ứng
2	Cán bộ chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	Tháng/ cán bộ	8	Trung cấp trở lên, chuyên môn phù hợp	

b. Định mức giống, vật tư

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Dúi má đào	Con	01	Các giống có trong danh mục được phép nuôi, sản xuất kinh doanh.	

				- Khối lượng Dúi má đào giống (3-4 tháng tuổi) con cái và đực đạt 0,6-0,8 kg/con; - Khối lượng Dúi mốc giống (3-4 tháng tuổi) con cái và đực đạt 0,4-0,6 kg/con.	
2	Thức ăn dúi				
	Thóc, ngô, đậu	Kg/con	01		
	Thức ăn hỗn hợp bổ sung	Kg/con	3,3		
	Rau, củ, quả, tre, mía	Kg/con	75		
3	Thuốc thú y, hóa chất sát trùng	%	2,5%	Được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng theo quy định của pháp luật; 2,5% so với định mức chi phí thức ăn.	

c. Định mức triển khai

TT	Diễn giải nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Tiêu chuẩn, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
1	Tập huấn kỹ thuật				
	Số lần	Lần	01	Số lượng ≤ 30 người/lớp	
	Thời gian/lần	Ngày	01		
2	Hội nghị tổng kết	Hội nghị	01		